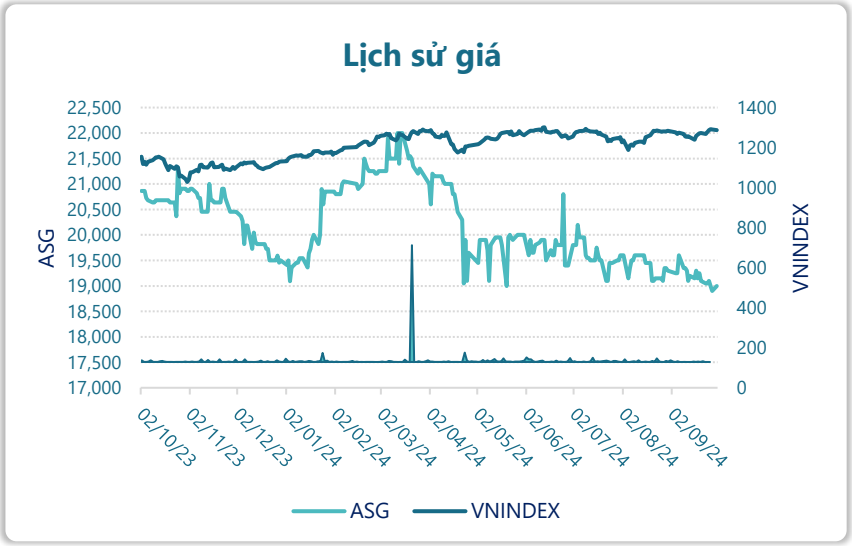
CTCP Tập đoàn ASG (HSX: ASG)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**19,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,900
SL cổ phiếu LH	90,784,669
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,435
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,725
P/E	52.2
EPS	364

DT thuần

Q3/24

465

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.00| 1.8%

YoY: ▼25.0| -5.0%

LN sau thuế

Q3/24

16.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.9| -44.4%

YoY: ▲ 12.1| 302%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

7.4%

+/- YoY: ▲ 2.2%

DT thuần

9T 2024

1,389

tỷ VNĐ

YoY: ▼17.0| -1.2%

LN sau thuế

9T 2024

47.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 30.2| 179%

ROE

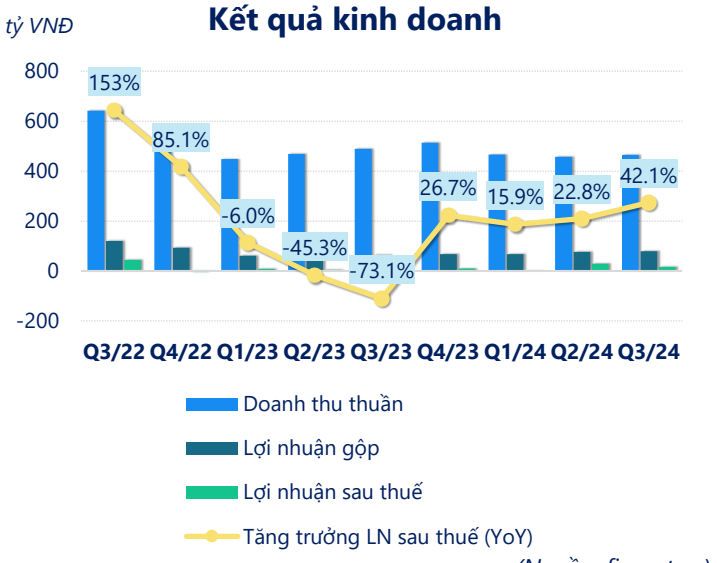
Q3/24

1.7%

+/- YoY: ▲ 2.9%

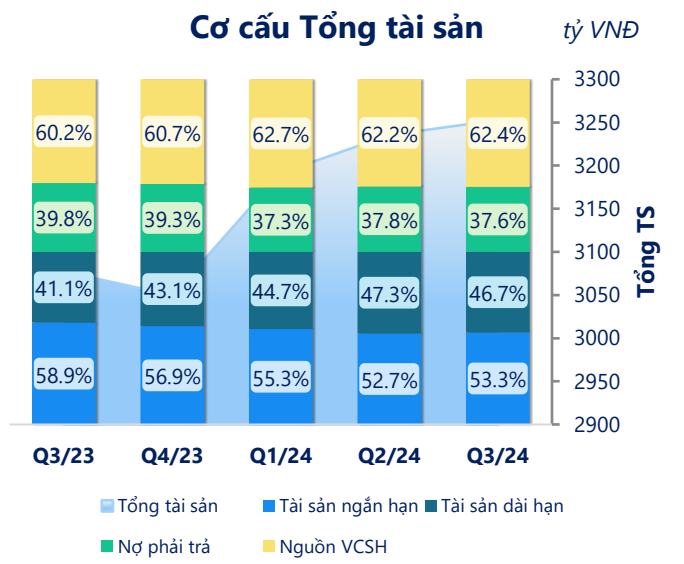
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



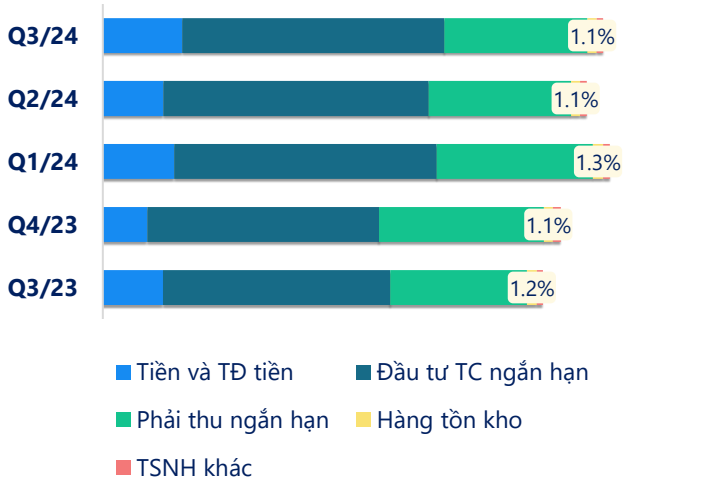
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



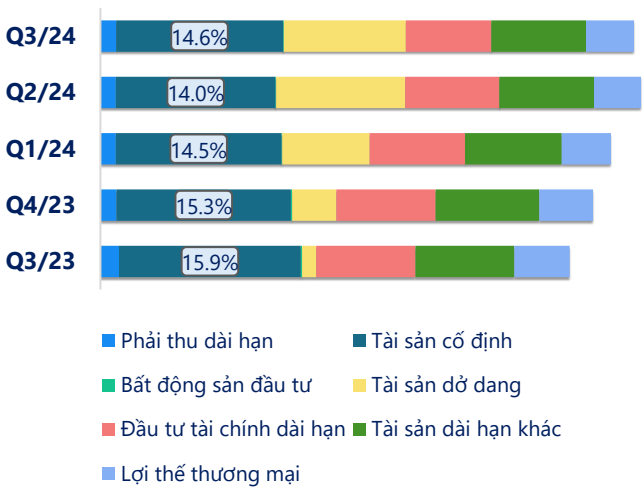
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



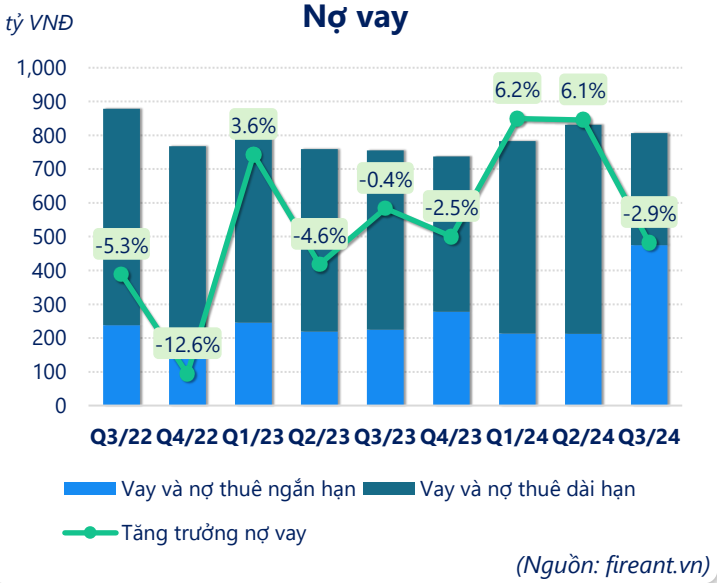
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



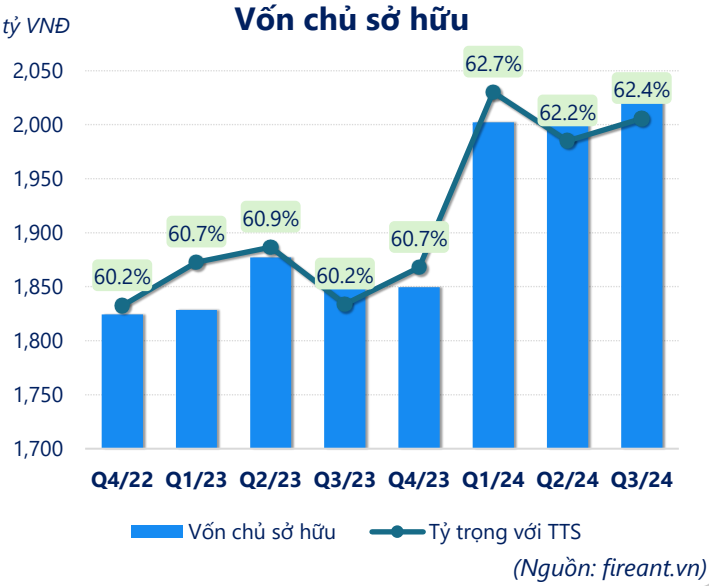
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



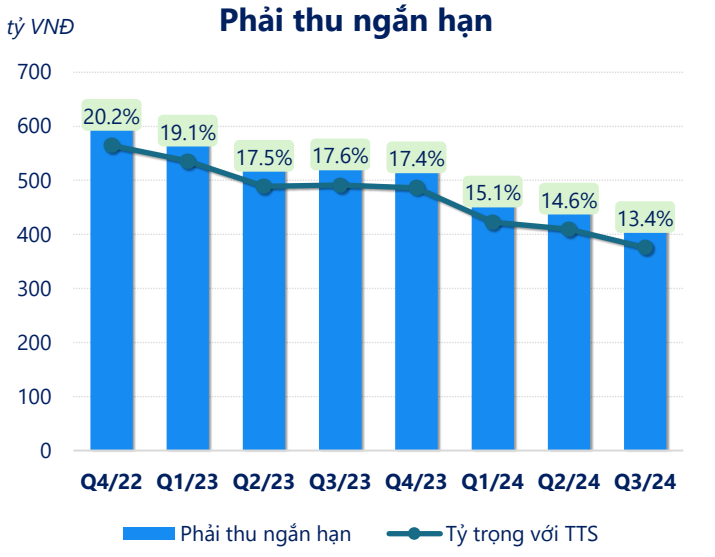
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



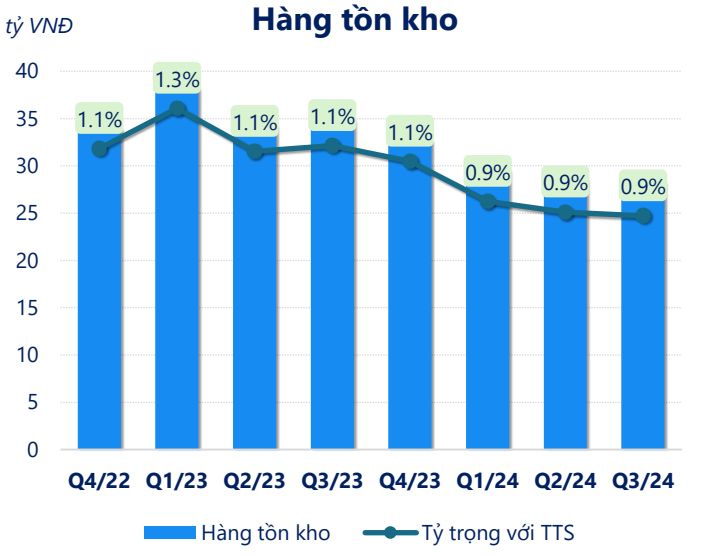
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



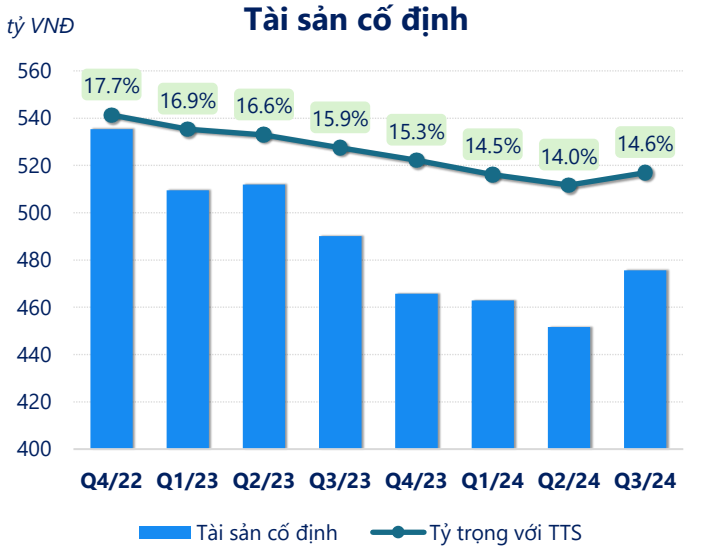
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



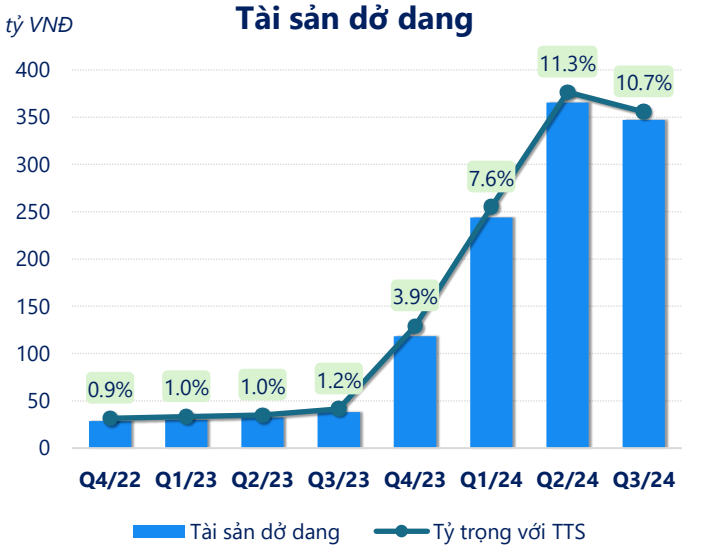
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



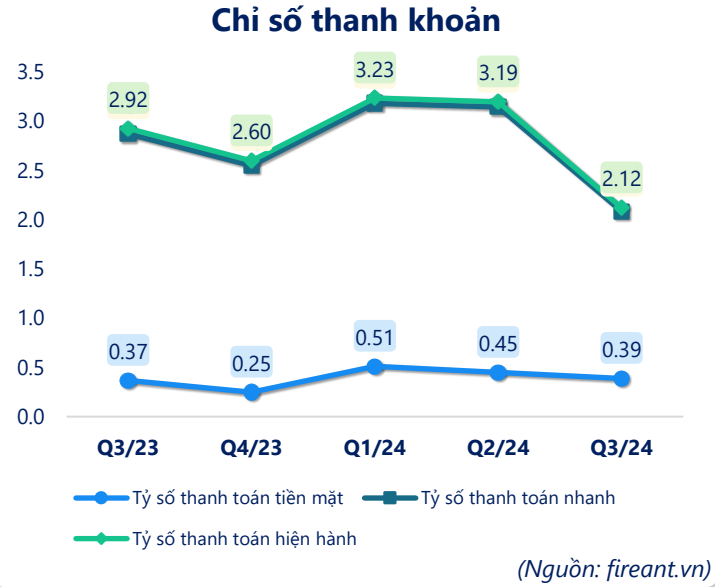
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



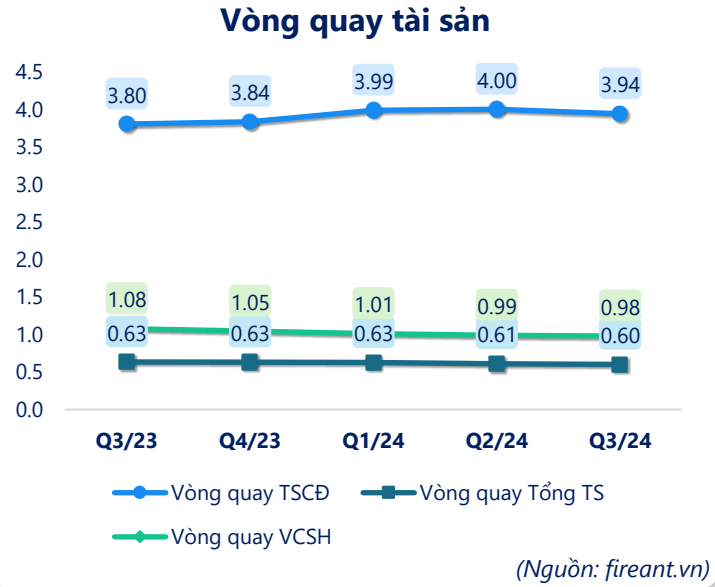
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**3,077**	**3,049**	**3,191**	**3,235**	**3,253**
Tài sản ngắn hạn	**1,814**	**1,735**	**1,765**	**1,705**	**1,734**
Tiền và tương đương tiền	227	166	279	239	317
Đầu tư tài chính ngắn hạn	988	983	953	940	931
Phải thu ngắn hạn	540	529	482	473	436
Hàng tồn kho	34.6	32.5	29.3	28.4	28.1
Tài sản ngắn hạn khác	23.8	24.5	22.9	24.0	21.5
Tài sản dài hạn	**1,264**	**1,315**	**1,426**	**1,530**	**1,519**
Phải thu dài hạn	49.7	42.8	42.7	43.7	44.2
Tài sản cố định	490	466	463	452	476
Bất động sản đầu tư	2.90	2.71	2.50	2.28	2.07
Tài sản dở dang	38.1	118	244	365	347
Đầu tư tài chính dài hạn	267	265	266	266	244
Tài sản dài hạn khác	267	277	270	268	270
Lợi thế thương mại	149	144	138	133	137
Nợ phải trả	**1,224**	**1,200**	**1,189**	**1,224**	**1,222**
Nợ ngắn hạn	**620**	**669**	**546**	**534**	**818**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	224	278	213	212	474
Phải trả người bán ngắn hạn	233	279	210	207	197
Nợ dài hạn	604	531	643	690	404
Vay và nợ thuê dài hạn	531	459	570	619	332
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,853**	**1,850**	**2,002**	**2,011**	**2,031**
Vốn chủ sở hữu	**1,853**	**1,850**	**2,002**	**2,011**	**2,031**
Vốn điều lệ	757	757	908	908	908
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)